

Số: **141** /TCTHK-TTBSP  
V/v Thông báo và triển khai chương  
trình LBG 2022

Hà Nội, ngày **23** tháng **3** năm 2022

Kính gửi: Các cơ quan, đơn vị

Căn cứ vào phê duyệt của Phó tổng giám đốc tại công văn số 123/TCTHK-TTBSP ngày 17/03/2022, Ban Tiếp thị và Bán sản phẩm (TTBSP) – Tổng công ty Hàng không Việt Nam thông báo tới các đơn vị chương trình giảm giá cho cán bộ, công nhân viên (CBCNV) – Lowbudget (LBG) năm 2022 như sau:

**1. Chi tiết chương trình:**

- Đối tượng áp dụng: Danh sách các đơn vị theo phụ lục đính kèm và các đơn vị khác được bổ sung sau ngày ban hành công văn này. *(Chi tiết tại phụ lục 01)*
- Quy định về đăng ký thâm quyền, xác nhận chương trình LBG, áp dụng chương trình LBG: Nội dung theo phụ lục đính kèm. *(Chi tiết tại phụ lục 02)*

**2. Trách nhiệm của các đơn vị:**

**2.1. Trách nhiệm của các đơn vị được áp dụng LBG:**

- Thủ trưởng các đơn vị (người ký bộ giấy tờ mua vé LBG) là người chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lệ của danh sách đối tượng áp dụng là CBCNV và người thân và các giấy tờ kèm theo người đăng ký mua vé LBG.
- Các đơn vị lập sổ theo dõi số lượng CBCNV đăng ký mua vé.
- Các đơn vị được áp dụng chương trình LBG chịu trách nhiệm báo cáo Ban TTBSP định kỳ hàng năm khi có yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện chương trình LBG.

**2.2. Trách nhiệm của các đơn vị xuất vé:**

- Kiểm tra bộ giấy tờ đủ điều kiện, đối chiếu đúng đơn vị, chữ ký của lãnh đạo đơn vị và danh sách áp dụng chương trình đã được Ban TTBSP triển khai.
- Báo cáo, thống kê xuất vé theo chương trình Revera của AITS đã được bán TCKT hướng dẫn.
- Các CNKV, CNNN chịu trách nhiệm báo cáo Ban TTBSP định kỳ hàng năm khi có yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện chương trình LBG.

**3. Biểu giá có thay đổi, bổ sung theo mùa trong năm:**

Tham khảo phụ lục đính kèm 3, 4 (khi mua vé các đơn vị liên hệ với phòng vé của Vietnam Airlines tại các Chi nhánh khu vực để mua vé và tham khảo thông tin).

**4. Hiệu lực áp dụng:**

- Hiệu lực xuất vé từ: 24/03/2022 đến hết 31/03/2023.
- Hiệu lực khởi hành từ: 01/04/2022 đến hết 31/03/2023 (có black out cao điểm)

**5. Đăng ký chương trình LBG 2022:**



Các đơn vị có nhu cầu đăng ký chương trình LBG 2022 gửi lại báo cáo kết quả thực hiện năm 2021, bản đăng ký mẫu chữ ký lãnh đạo và danh sách đăng ký LBG 2022 (Form chi tiết tại phụ lục 5, 6, 7) về địa chỉ: Phòng Phát triển bán và Tiếp thị - Ban Tiếp thị và Bán sản phẩm – Tổng công ty HKVN. Bản sao công văn gửi qua địa chỉ email: [trangpth@vietnamairlines.com](mailto:trangpth@vietnamairlines.com), bản gốc gửi theo đường công văn về:

Ms. Phạm Thùy Trang

Phòng Phát triển bán và tiếp thị - Ban Tiếp thị và Bán sản phẩm

Tổng công ty Hàng không Việt Nam

200 Nguyễn Sơn, Long Biên, Hà Nội.

Đối với các CNNN đề nghị bổ sung thêm bản cam kết việc xuất vé và thanh toán tại phòng vé của Chi nhánh không vi phạm luật pháp của nước sở tại./.

Xin trân trọng cảm ơn.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Q. Trưởng ban (để b/c);
- Lưu: VT TTbsp, Tổ Sales VN ([Trangpth@](mailto:Trangpth@)).

**TL. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**KT. TRƯỞNG BAN TIẾP THỊ VÀ BÁN SẢN PHẨM**  
**PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Trương Trần Ngọc Hùng**





**PHỤ LỤC 01**  
**DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC ÁP DỤNG CHƯƠNG TRÌNH**  
**LOWBUDGET THƯỜNG NIÊN 2022**

(Ban hành kèm công văn số...141.../TCTHK-TTBSP, ngày...23.tháng..03...năm 2022)

STT	Tên đơn vị
1	Hội đồng quản trị
2	Ban Giám Đốc
3	Ban An toàn - Chất lượng và An ninh
4	Ban Công nghệ thông tin
5	Ban Đầu tư mua sắm
6	Ban Dịch vụ hành khách
7	Ban Kế hoạch và Phát triển
8	Ban Kế hoạch và Tiếp thị hàng hoá
9	Ban Kiểm toán nội bộ
10	Ban Kỹ thuật
11	Ban Pháp chế
12	Ban Quản lý vật tư
13	Ban Tài chính Kế toán
14	Ban Tiếp thị và Bán sản phẩm
15	Ban Tổ chức và Nhân lực
16	Ban Truyền thông
17	Ban Triển khai Tái cơ cấu
18	Ban Tiếp thị và chuyển đổi số
19	Cơ quan Công Đoàn
20	Đoàn bay 919
21	Đoàn Tiếp viên
22	Trung tâm Điều hành khai thác
23	Trung tâm Nghiên cứu - Ứng dụng
24	Văn phòng Đảng - Đoàn
25	Văn phòng Tổng công ty
26	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP khu vực miền Bắc
27	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP khu vực miền Nam
28	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP khu vực miền Trung
29	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Nhật Bản
30	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Hàn Quốc
31	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Đài Loan
32	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Trung Quốc
33	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Úc
34	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Hồng Kông
35	Chi nhánh TCT HKVN -CTCP tại Mỹ
36	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Canada
37	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Thái Lan





38	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Myanmar
39	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Malaysia
40	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Indonesia
41	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Campuchia
42	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Lào
43	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Pháp
44	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Anh
45	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Đức
46	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Nga
47	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP - Công ty Bay Dịch vụ HK
48	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP - Trung tâm Huấn luyện đào tạo
49	Chi nhánh Trung tâm Bông Sen Vàng
50	Công ty CP Cung ứng và Xuất nhập khẩu lao động hàng không
51	Công ty CP Đào tạo bay Việt
52	Công ty CP Dịch vụ Hàng hoá Nội Bài
53	Công ty CP DV Hàng không sân bay nội bài (NASCO)
54	Công ty CP HK Pacific Airlines
55	Công ty CP Sabre Việt Nam
56	Công ty CP Suất ăn hàng không Nội Bài
57	Công ty CP Tin học - Viễn thông HK (AITS)
58	Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không
59	Công ty DVMĐ Sân bay Việt Nam
60	Công ty TNHH Dịch vụ giao nhận HH Tân sơn nhất (TECS)
61	Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hóa Tân Sơn Nhất
62	Công ty TNHH Giao nhận hàng hóa VINAKO
63	Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay
64	Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam
65	Công ty TNHH MTV Suất ăn hàng không Việt Nam
66	Cục Hàng không Việt Nam
67	Hãng Hàng Không Cambodia AngKor Air (K6)
68	Tạp chí Heritage
69	Trung tâm khai thác Nội Bài
70	Trung tâm khai thác Tân Sơn Nhất
71	Tổng công ty quản lý bay Việt Nam và các đơn vị trực thuộc
72	Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam và các đơn vị trực thuộc
73	Công ty CP Dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng (MASCO)
74	Công ty CP cho thuê máy bay (VALC)



## PHỤ LỤC 02: CHI TIẾT CHƯƠNG TRÌNH LOWBUDGET 2022

(Ban hành kèm công văn số ...../TCTHK-TTBSP, ngày ..2.2. tháng...03.năm 2022)

### 1. Quy định chung

#### 1.1 Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các từ ngữ được hiểu như sau:

- “VNA” hoặc “TCTHK” hoặc “TCTHKVN” là “Vietnam Airlines” hoặc “Tổng Công ty Hàng không” hoặc “Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP”;
- “VPCN” là các chi nhánh Tổng công ty Hàng không Việt Nam trong nước;
- “CNKV” là các Chi nhánh Tổng công ty Hàng không Việt Nam – CTCP miền Bắc, Trung, Nam;
- “CNNN” là các Chi nhánh hoặc khối chi nhánh TCTHK ở nước ngoài;
- “TTBSP” là Tiếp thị và Bán sản phẩm;
- “TCKT” là Tài chính kế toán;
- “TCNL” là Tổ chức nhân lực;
- “HĐTV” là Hội đồng thành viên;
- “AITS” là Công ty Cổ phần Tin học và Viễn thông Hàng không;
- “LBG” là Lowbudget;
- “CBCNV” là Cán bộ công nhân viên của TCTHK;

#### 1.2 Phạm vi áp dụng

- Các Ban, Văn phòng khối cơ quan, TCTHKVN; khối đơn vị phụ thuộc của TCTHK; CNNN; các công ty cổ phần và công ty TNHH của TCTHK; khối cơ quan Cục Hàng không Việt Nam, gọi chung là các đơn vị.
- CBCNV đã nghỉ hưu từ 20/04/1993.
- Đối tượng áp dụng: các đơn vị tại phụ lục 01 và các đơn vị khác được bổ sung sau ngày ban hành công văn này.

#### 1.3 Đối tượng áp dụng

- **Đối tượng áp dụng LBG1:** Là chương trình LBG cho CBCNV có hợp đồng dài hạn từ 01 năm trở lên (không bao gồm nhân viên địa phương) và thân nhân gồm:
  - + CBCNV trực thuộc các đơn vị nêu tại Phụ lục 01 kèm theo và thân nhân (gồm vợ/chồng, bố mẹ đẻ, bố mẹ vợ/chồng, con đẻ/con nuôi) được phép mua vé LBG trên các chuyến bay do VNA khai thác/các chuyến bay do VNA chỉ định.
  - + Xuất vé và thanh toán tại các phòng vé của VNA tại thị trường Việt Nam.
- **Đối tượng áp dụng LBG2:** Là chương trình LBG cho các cán bộ đại diện, CBCNV địa phương và người thân gồm:



- + CBCNV làm việc tại CNNN (gồm cán bộ đại diện, nhân viên địa phương) nêu tại Phụ lục 01 kèm theo và thân nhân (gồm vợ/chồng, bố mẹ đẻ, bố mẹ vợ/chồng, con đẻ) được phép mua vé LBG trên các chuyến bay do VNA khai thác/các chuyến bay do VNA chỉ định.
- + Xuất vé và thanh toán tại phòng vé do CNNN quản lý (đối với biểu giá từ nước ngoài về Việt Nam) nếu quy định của nước sở tại không cấm việc xuất vé và thu tiền trực tiếp tại phòng vé do CNNN quản lý/tại CN, các trường hợp còn lại sẽ xuất vé tại CNKV trong nước.
- + Khi xuất vé LBG, các CNKV thực hiện lập báo cáo bán và gửi chứng từ theo quy định luân chuyển chứng từ hiện hành về ban TCKT/AITS. Ban TCKT/AITS sẽ căn cứ vào danh sách đối tượng LBG và mẫu chữ ký phê duyệt để kiểm soát tình hình chấp hành chương trình LBG.
- **Đối tượng áp dụng LBG3:** Là chương trình LBG cho CBCNV nghỉ hưu gồm:
  - + CBCNV trong TCTHKVN (nêu tại Phụ lục 01 kèm theo) đã nghỉ hưu từ 20/04/1993 đến nay (không bao gồm nhân viên địa phương), các danh sách này sẽ được Ban TCNL và các đơn vị cung cấp cho Ban TTBS.
  - + Xuất vé và thanh toán tại các phòng vé của VNA tại thị trường Việt Nam.
- **Đối tượng áp dụng LBG4:** Là chương trình LBG cho CBCNV thuộc các đơn vị khác do TCTHKVN trực tiếp chỉ định được hưởng chương trình LBG. Xuất vé và thanh toán tại các phòng vé của VNA tại thị trường Việt Nam.

## 2. Các quy định kiểm soát

### 2.1 Quy định về đăng ký áp dụng chương trình LBG

- Đối với chương trình LBG1, LBG2 và LBG4:
  - + Đơn vị đăng ký tối đa hai (02) lãnh đạo đơn vị là người chịu trách nhiệm và có thẩm quyền xác nhận vào phiếu đăng ký mua vé LBG gửi về Ban TTBS. Trong trường hợp các đơn vị có nhiều chi nhánh, bộ phận ở cả 3 miền Bắc, Trung, Nam, căn cứ vào đặc điểm chức năng của các đơn vị đó có thể đăng ký tối đa bốn (04) lãnh đạo đơn vị chịu trách nhiệm và có thẩm quyền xác nhận vào phiếu đăng ký mua vé LBG gửi về Ban TTBS.
  - + Lãnh đạo đơn vị ký xác nhận và đóng dấu của các đơn vị vào bộ giấy tờ mua vé LBG của CBCNV và người thân.
- Đối với chương trình LBG3:
  - + Đối với đơn vị khối cơ quan TCTHK:
    - Ban TCNL xác nhận theo mẫu “Phiếu đăng ký mua vé chương trình Lowbudget cho CBCNV năm 2021”,
    - Ô “Mã đơn vị” điền: LHHT.



- + Đối với đơn vị trực thuộc TCTHK và các đơn vị ngoài TCTHK:
  - Đơn vị tổng hợp danh sách CBCNV nghỉ hưu;
  - Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm xác nhận danh sách CBCNV nghỉ hưu tại đơn vị của mình;
  - Danh sách CBCNV nghỉ hưu gửi về Ban TTBS.

## **2.2 Quy định về bộ giấy tờ mua vé LBG**

- Đối với CBCNV: Phiếu đăng ký mua vé LBG (theo form trong phụ lục 08) + bản sao thẻ ngành/hợp đồng lao động đối với các đơn vị không có thẻ ngành + bản sao CMND.
- Đối với những cá nhân là thành viên HĐQT, HĐTV của TCTHK, các công ty cổ phần, công ty liên danh và các vị trí được bổ nhiệm của HĐQT, HĐTV nếu không có thẻ ngành/hợp đồng lao động thì được phép sử dụng quyết định bổ nhiệm của HĐQT, HĐTV + bản sao CMND + phiếu đăng ký mua vé LBG.
- Giấy tờ áp dụng cho CBCNV nghỉ hưu: Phiếu đăng ký mua vé LBG có xác nhận của Ban TCNL TCTHK + Copy CMND + Copy Quyết định nghỉ hưu.
- Các giấy tờ chứng minh quan hệ thân nhân:
  - Quan hệ con, bố mẹ (trường hợp chưa tách hộ khẩu): giấy khai sinh của con hoặc sổ hộ khẩu có tên của bố, mẹ và con.
  - Quan hệ con, bố, mẹ (đã tách hộ khẩu): Giấy khai sinh của con.
  - Quan hệ con riêng của vợ/chồng: Giấy khai sinh của con vợ/chồng và giấy đăng ký kết hôn.
  - Quan hệ con nuôi: Giấy khai sinh của con hoặc giấy chứng nhận con nuôi và giấy đăng ký kết hôn.
  - Quan hệ vợ chồng: Giấy đăng ký kết hôn hoặc sổ hộ khẩu (trong trường hợp đã tách hộ khẩu với bố mẹ).
  - Quan hệ bố/mẹ vợ, bố/mẹ chồng: Giấy đăng ký kết hôn, giấy khai sinh của vợ/chồng.

## **3. Quy định về áp dụng chương trình LBG**

### **3.1 Đối với LBG1 và LBG4:**

- Các đơn vị trước khi được áp dụng chương trình LBG1 phải cung cấp đủ các giấy tờ sau về Ban TTBS:
  - + Báo cáo kết quả thực hiện chương trình LBG 2021 (theo form trong Phụ lục 05 đính kèm).
  - + Đăng ký mẫu chữ ký lãnh đạo có thẩm quyền xác nhận vào phiếu đăng ký mua vé LBG 2022 (theo form trong Phụ lục 06 đính kèm).



- + Danh sách đăng ký chương trình LBG 2022 của CBCNV có hợp đồng dài hạn từ 01 năm trở lên (không bao gồm nhân viên địa phương) và thân nhân (chi tiết tại mục 1.3), danh sách này chỉ có hiệu lực 1 năm kể từ ngày đăng ký. Hàng năm sẽ yêu cầu các đơn vị được hưởng chế độ LBG thường niên phải rà soát lại danh sách đã đăng ký và cập nhật các thông tin mới nhất. Các cơ quan đơn vị lập danh sách CBCNV theo form trong phụ lục 07 đính kèm. Theo đó, bằng việc đăng ký email tham dự chương trình Lowbudget, CBCNV tham dự chương trình đồng ý nhận email các chương trình khuyến mại của Vietnam Airlines qua địa chỉ email đã cung cấp.
- Mẫu chữ ký và danh sách đăng ký chương trình LBG 2021 của các đơn vị sẽ được Ban TTBSPT triển khai đến các CNKV để thực hiện xuất vé.
- Các đơn vị chưa cung cấp đủ hồ sơ như trên sẽ được Ban TTBSPT triển khai bổ sung vào danh sách áp dụng sau khi hoàn thiện hồ sơ.
- Các CNKV không được xuất vé cho các đơn vị không đăng ký mẫu chữ ký; không được xuất vé cho cá nhân không có tên trong danh sách đăng ký LBG 2021; khi xuất vé phải đưa tên lãnh đạo đơn vị ký xác nhận mua vé vào ô “Remark” của mặt vé.
- Nơi xuất vé phải tuân thủ đúng yêu cầu ghi thông tin tại ô “Tour code” để phục vụ cho công tác số liệu.

### **3.2 Đối với LBG2:**

- Các CNNN trước khi được áp dụng chương trình LBG2 phải cung cấp đủ các giấy tờ sau về Ban TTBSPT:
  - + Báo cáo kết quả thực hiện chương trình LBG 2021.
  - + Đăng ký mẫu chữ ký lãnh đạo có thẩm quyền xác nhận vào phiếu đăng ký mua vé LBG 2022.
  - + Danh sách đăng ký chương trình LBG 2022 của cán bộ đại diện, CBCNV địa phương và người thân (chi tiết tại mục 1.3).
  - + Bản cam kết việc xuất vé tại Chi nhánh/phòng vé do CNNN quản lý không vi phạm các quy định của nước sở tại.
- Mẫu chữ ký và danh sách đăng ký chương trình LBG 2022 của các đơn vị sẽ được Ban TTBSPT triển khai đến các CNKV và CNNN để thực hiện xuất vé.
- Các đơn vị chưa cung cấp đủ hồ sơ như trên sẽ được Ban TTBSPT triển khai bổ sung vào danh sách áp dụng sau khi hoàn thiện hồ sơ.
- Các CNNN và CNKV không được xuất vé cho các đơn vị không đăng ký mẫu chữ ký; không được xuất vé cho cá nhân không có tên trong danh sách đăng ký LBG 2022; khi xuất vé phải đưa tên lãnh đạo đơn vị ký xác nhận mua vé vào ô “Remark” của mặt vé.



- Nơi xuất vé phải tuân thủ đúng yêu cầu ghi thông tin tại ô “Tour code” để phục vụ cho công tác số liệu.
- Các giấy tờ chứng minh quan hệ thân nhân phải dịch sang tiếng Anh.

### **3.3 Đối với LBG3:**

- CBCNV nghỉ hưu phải có tên trong danh sách đăng ký chương trình LBG 2022 do đơn vị tổng hợp gửi về Ban TTBS.
- Ban TTBS sẽ triển khai danh sách này tới Ban TCNL và các CNKV để phục vụ mục đích xác nhận thông tin và xuất vé.

## **4. Trách nhiệm các đơn vị**

### **4.1 Trách nhiệm của các đơn vị được áp dụng LBG**

- Thủ trưởng các đơn vị (người ký bộ giấy tờ mua vé LBG) là người chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lệ của danh sách đối tượng áp dụng là CBCNV và người thân và các giấy tờ kèm theo người đăng ký mua vé LBG.
- Các đơn vị lập sổ theo dõi số lượng CBCNV đăng ký mua vé.
- Các đơn vị được áp dụng chương trình LBG chịu trách nhiệm báo cáo Ban TTBS định kỳ hàng năm khi có yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện chương trình LBG.

### **4.2 Trách nhiệm của các đơn vị xuất vé**

- Kiểm tra bộ giấy tờ đủ điều kiện, đối chiếu đúng đơn vị, chữ ký của lãnh đạo đơn vị và danh sách áp dụng chương trình đã được ban TTBS triển khai.
- Báo cáo, thống kê xuất vé theo chương trình Revera của AITS đã được Ban TCKT hướng dẫn.
- Các CNKV, CNNN chịu trách nhiệm báo cáo Ban TTBS định kỳ hàng năm khi có yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện chương trình LBG.

## **5. Hành trình, mức giá, điều kiện áp dụng**

### **5.1 Hành trình nội địa**

- Đối tượng áp dụng: áp dụng cho LBG1, LBG3 và LBG4.
- Mức giá: Xây dựng giá phổ thông hạng E có mức giảm 90% từ hạng M và thương gia hạng I có mức giảm 90% từ hạng J
- Xây dựng mức giá một chiều (giá hai chiều bằng 2 lần giá một chiều).

### **5.2 Hành trình quốc tế (từ Việt Nam đi quốc tế)**

- Đối tượng áp dụng: áp dụng cho LBG1, LBG3 và LBG4.
- Mức giá: Triển khai biểu giá riêng hạng E cho đường bay quốc tế với mức giá tương đương mức giảm 90% từ hạng B đối với quốc tế.

- Chỉ triển khai mức giá hai chiều.

### **5.3 Hành trình có chặng bay trên K6**

- Đối tượng áp dụng: áp dụng cho LBG1 và LBG3.
- Mức giá: Căn cứ vào triển khai trên các chặng bay của K6.

### **5.4 Hiệu lực**

- Hiệu lực xuất vé từ: 24/03/2022 đến hết 31/03/2023.
- Hiệu lực khởi hành từ: 01/04/2022 đến hết 31/03/2023 (có black out cao điểm)

### **5.5 Điều kiện áp dụng**

- Điều kiện áp dụng của giá do Ban TTBSB xây dựng.



**PHỤ LỤC 3: BIỂU GIÁ NỘI ĐỊA VÀ GIAI ĐOẠN KHÔNG ÁP DỤNG**  
(Ban hành kèm công văn số.....**14.1**./TCTHK-TTBSP, ngày...**23**tháng...**3**...năm 2022)

**3.1. Biểu giá (chưa bao gồm thuế, phí)**

Từ	Đến	Hạng đặt chỗ	Giá
SGN	VCS	EAPVNB	114,000
VCA	VCS	EAPVNB	114,000
SGN	VKG	EAPVNB	114,000
SGN	CAH	EAPVNB	114,000
VCA	PQC	EAPVNB	114,000
DAD	PXU	EAPVNB	114,000
VCS	SGN	EAPVNB	114,000
VCS	VCA	EAPVNB	114,000
VKG	SGN	EAPVNB	114,000
CAH	SGN	EAPVNB	114,000
PQC	VCA	EAPVNB	114,000
PXU	DAD	EAPVNB	114,000
HAN	DIN	EAPVNB	124,000
HPH	DIN	EAPVNB	124,000
SGN	NHA	EAPVNB	124,000
SGN	PQC	EAPVNB	124,000
SGN	DLI	EAPVNB	124,000
SGN	BMV	EAPVNB	124,000
SGN	PXU	EAPVNB	124,000
VCA	BMV	EAPVNB	124,000
HAN	VII	EAPVNB	124,000
SGN	TBB	EAPVNB	124,000
DAD	BMV	EAPVNB	124,000
DAD	VII	EAPVNB	124,000
HAN	VDH	EAPVNB	124,000
DLI	VCA	EAPVNB	124,000
DIN	HAN	EAPVNB	124,000
DIN	HPH	EAPVNB	124,000
NHA	SGN	EAPVNB	124,000
PQC	SGN	EAPVNB	124,000
DLI	SGN	EAPVNB	124,000
BMV	SGN	EAPVNB	124,000
PXU	SGN	EAPVNB	124,000
BMV	VCA	EAPVNB	124,000
VII	HAN	EAPVNB	124,000
TBB	SGN	EAPVNB	124,000
BMV	DAD	EAPVNB	124,000
VII	DAD	EAPVNB	124,000

VDH	HAN	EAPVNB	124,000
VCA	DLI	EAPVNB	124,000
HAN	HUI	EAPVNB	174,000
SGN	DAD	EAPVNB	174,000
SGN	HUI	EAPVNB	174,000
HAN	DAD	EAPVNB	174,000
SGN	UIH	EAPVNB	174,000
SGN	VCL	EAPVNB	174,000
DAD	HPH	EAPVNB	174,000
DAD	VCA	EAPVNB	174,000
DAD	VDO	EAPVNB	174,000
DAD	NHA	EAPVNB	174,000
DAD	DLI	EAPVNB	174,000
DAD	THD	EAPVNB	174,000
HAN	VCL	EAPVNB	174,000
VII	BMV	EAPVNB	174,000
DLI	PQC	EAPVNB	174,000
HUI	DLI	EAPVNB	174,000
HUI	NHA	EAPVNB	174,000
NHA	PQC	EAPVNB	174,000
BMV	PQC	EAPVNB	174,000
HUI	HAN	EAPVNB	174,000
DAD	SGN	EAPVNB	174,000
HUI	SGN	EAPVNB	174,000
DAD	HAN	EAPVNB	174,000
UIH	SGN	EAPVNB	174,000
VCL	SGN	EAPVNB	174,000
HPH	DAD	EAPVNB	174,000
VCA	DAD	EAPVNB	174,000
VDO	DAD	EAPVNB	174,000
NHA	DAD	EAPVNB	174,000
DLI	DAD	EAPVNB	174,000
THD	DAD	EAPVNB	174,000
VCL	HAN	EAPVNB	174,000
BMV	VII	EAPVNB	174,000
PQC	DLI	EAPVNB	174,000
DLI	HUI	EAPVNB	174,000
NHA	HUI	EAPVNB	174,000
PQC	NHA	EAPVNB	174,000
PQC	BMV	EAPVNB	174,000
SGN	VDH	EAPVNB	233,000
HAN	PXU	EAPVNB	233,000
HAN	UIH	EAPVNB	233,000
HPH	BMV	EAPVNB	233,000
VII	NHA	EAPVNB	233,000
VII	DLI	EAPVNB	233,000



THD	BMV	EAPVNB	233,000
VDH	SGN	EAPVNB	233,000
PXU	HAN	EAPVNB	233,000
UIH	HAN	EAPVNB	233,000
BMV	HPH	EAPVNB	233,000
NHA	VII	EAPVNB	233,000
DLI	VII	EAPVNB	233,000
BMV	THD	EAPVNB	233,000
SGN	TBB	IAPVNB	250,000
DAD	BMV	IAPVNB	250,000
DAD	VII	IAPVNB	250,000
HAN	VDH	IAPVNB	250,000
DLI	VCA	IAPVNB	250,000
SGN	BMV	IAPVNB	250,000
SGN	PXU	IAPVNB	250,000
VCA	BMV	IAPVNB	250,000
HAN	VII	IAPVNB	250,000
TBB	SGN	IAPVNB	250,000
BMV	DAD	IAPVNB	250,000
VII	DAD	IAPVNB	250,000
VDH	HAN	IAPVNB	250,000
VCA	DLI	IAPVNB	250,000
BMV	SGN	IAPVNB	250,000
PXU	SGN	IAPVNB	250,000
BMV	VCA	IAPVNB	250,000
VII	HAN	IAPVNB	250,000
HAN	SGN	EAPVNB	274,000
HAN	NHA	EAPVNB	274,000
HPH	DLI	EAPVNB	274,000
HAN	DLI	EAPVNB	274,000
THD	DLI	EAPVNB	274,000
VII	PQC	EAPVNB	274,000
SGN	VII	EAPVNB	274,000
SGN	HPH	EAPVNB	274,000
SGN	THD	EAPVNB	274,000
SGN	VDO	EAPVNB	274,000
VCA	HPH	EAPVNB	274,000
VCA	THD	EAPVNB	274,000
VCA	VII	EAPVNB	274,000
HAN	BMV	EAPVNB	274,000
HAN	TBB	EAPVNB	274,000
HPH	NHA	EAPVNB	274,000
DAD	PQC	EAPVNB	274,000
THD	PQC	EAPVNB	274,000
HUI	PQC	EAPVNB	274,000
SGN	HAN	EAPVNB	274,000



NHA	HAN	EAPVNB	274,000
DLI	HPH	EAPVNB	274,000
DLI	HAN	EAPVNB	274,000
DLI	THD	EAPVNB	274,000
PQC	VII	EAPVNB	274,000
VII	SGN	EAPVNB	274,000
HPH	SGN	EAPVNB	274,000
THD	SGN	EAPVNB	274,000
VDO	SGN	EAPVNB	274,000
HPH	VCA	EAPVNB	274,000
THD	VCA	EAPVNB	274,000
VII	VCA	EAPVNB	274,000
BMV	HAN	EAPVNB	274,000
TBB	HAN	EAPVNB	274,000
NHA	HPH	EAPVNB	274,000
PQC	DAD	EAPVNB	274,000
PQC	THD	EAPVNB	274,000
PQC	HUI	EAPVNB	274,000
DAD	HPH	IAPVNB	280,000
DAD	VCA	IAPVNB	280,000
DAD	VDO	IAPVNB	280,000
DAD	NHA	IAPVNB	280,000
DAD	DLI	IAPVNB	280,000
DAD	THD	IAPVNB	280,000
HAN	VCL	IAPVNB	280,000
VII	BMV	IAPVNB	280,000
DLI	PQC	IAPVNB	280,000
HUI	DLI	IAPVNB	280,000
HUI	NHA	IAPVNB	280,000
NHA	PQC	IAPVNB	280,000
BMV	PQC	IAPVNB	280,000
SGN	NHA	IAPVNB	280,000
SGN	PQC	IAPVNB	280,000
SGN	DLI	IAPVNB	280,000
HPH	DAD	IAPVNB	280,000
VCA	DAD	IAPVNB	280,000
VDO	DAD	IAPVNB	280,000
NHA	DAD	IAPVNB	280,000
DLI	DAD	IAPVNB	280,000
THD	DAD	IAPVNB	280,000
VCL	HAN	IAPVNB	280,000
BMV	VII	IAPVNB	280,000
PQC	DLI	IAPVNB	280,000
DLI	HUI	IAPVNB	280,000
NHA	HUI	IAPVNB	280,000
PQC	NHA	IAPVNB	280,000



PQC	BMV	IAPVNB	280,000
NHA	SGN	IAPVNB	280,000
PQC	SGN	IAPVNB	280,000
DLI	SGN	IAPVNB	280,000
HAN	PQC	EAPVNB	329,000
HAN	VCA	EAPVNB	329,000
HPH	PQC	EAPVNB	329,000
PQC	HAN	EAPVNB	329,000
VCA	HAN	EAPVNB	329,000
PQC	HPH	EAPVNB	329,000
HAN	HUI	IAPVNB	330,000
SGN	DAD	IAPVNB	347,000
SGN	HUI	IAPVNB	330,000
HAN	DAD	IAPVNB	347,000
SGN	UIH	IAPVNB	330,000
SGN	VCL	IAPVNB	330,000
HUI	HAN	IAPVNB	330,000
DAD	SGN	IAPVNB	347,000
HUI	SGN	IAPVNB	330,000
DAD	HAN	IAPVNB	347,000
UIH	SGN	IAPVNB	330,000
VCL	SGN	IAPVNB	330,000
HAN	UIH	IAPVNB	370,000
HPH	BMV	IAPVNB	370,000
VII	NHA	IAPVNB	370,000
VII	DLI	IAPVNB	370,000
THD	BMV	IAPVNB	370,000
HAN	PXU	IAPVNB	370,000
UIH	HAN	IAPVNB	370,000
BMV	HPH	IAPVNB	370,000
NHA	VII	IAPVNB	370,000
DLI	VII	IAPVNB	370,000
BMV	THD	IAPVNB	370,000
PXU	HAN	IAPVNB	370,000
HPH	DLI	IAPVNB	420,000
HAN	DLI	IAPVNB	420,000
THD	DLI	IAPVNB	420,000
VII	PQC	IAPVNB	420,000
SGN	VII	IAPVNB	420,000
SGN	HPH	IAPVNB	420,000
SGN	THD	IAPVNB	420,000
SGN	VDO	IAPVNB	420,000
VCA	HPH	IAPVNB	420,000
VCA	THD	IAPVNB	420,000
VCA	VII	IAPVNB	420,000
HAN	BMV	IAPVNB	420,000

⊕



HAN	TBB	IAPVNB	420,000
HPH	NHA	IAPVNB	420,000
DAD	PQC	IAPVNB	420,000
THD	PQC	IAPVNB	420,000
HUI	PQC	IAPVNB	420,000
SGN	VDH	IAPVNB	420,000
DLI	HPH	IAPVNB	420,000
DLI	HAN	IAPVNB	420,000
DLI	THD	IAPVNB	420,000
PQC	VII	IAPVNB	420,000
VII	SGN	IAPVNB	420,000
HPH	SGN	IAPVNB	420,000
THD	SGN	IAPVNB	420,000
VDO	SGN	IAPVNB	420,000
HPH	VCA	IAPVNB	420,000
THD	VCA	IAPVNB	420,000
VII	VCA	IAPVNB	420,000
BMV	HAN	IAPVNB	420,000
TBB	HAN	IAPVNB	420,000
NHA	HPH	IAPVNB	420,000
PQC	DAD	IAPVNB	420,000
PQC	THD	IAPVNB	420,000
PQC	HUI	IAPVNB	420,000
VDH	SGN	IAPVNB	420,000
HAN	NHA	IAPVNB	530,000
HAN	PQC	IAPVNB	570,000
HAN	VCA	IAPVNB	570,000
HPH	PQC	IAPVNB	570,000
NHA	HAN	IAPVNB	530,000
PQC	HAN	IAPVNB	570,000
VCA	HAN	IAPVNB	570,000
PQC	HPH	IAPVNB	570,000
HAN	SGN	IAPVNB	710,000
SGN	HAN	IAPVNB	710,000

### 3.2. Giai đoạn không áp dụng

Chặng bay	From	To
HAN-DAD/DLI/CXR/PQC/HUI/UIH/VCL/TBB; SGN-TBB HPH/VCA/CXR/VDO/DLI/VII/THD - DAD; HUI-DLI SGN/THD/VCA/HUI/CXR/DLI/DAD-PQC; HPH/VII-CXR/DLI/PQC; THD-DLI	8-Apr-22	9-Apr-22
	28-Apr-22	1-May-22
	25-May-22	6-Aug-22
	1-Sep-22	3-Sep-22
	29-Dec-22	31-Dec-22
	22-Jan-23	27-Jan-23

DAD/DLI/CXR/PQC/HUI/UIH/VCL/TBB - HAN; TBB-SGN DAD - HPH/VCA/CXR/VDO/DLI/VII/THD; DLI-HUI PQC-SGN/THD/VCA/HUI/CXR/DLI/DAD; CXR/DLI/PQC-HPH/VII; DLI-THD	10-Apr-22	11-Apr-22
	2-May-22	4-May-22
	28-May-22	9-Aug-22
	3-Sep-22	5-Sep-22
	1-Jan-23	3-Jan-23
	25-Jan-23	1-Feb-23
SGN - HAN/HPH/VII/BMV/PXU/VDH/THD/VDO/VCL/UIH/ HUI/CXR/DLI/DAD; HAN - VII/VCA/VDH; BMV/PXU - HAN/HPH/VII/DAD; BMV-THD	8-Apr-22	9-Apr-22
	29-Apr-22	1-May-22
	25-May-22	6-Aug-22
	1-Sep-22	3-Sep-22
	29-Dec-22	31-Dec-22
	11-Jan-23	26-Jan-23
HAN/HPH/VII/BMV/PXU/VDH/THD/VDO/VCL/UIH/ HUI/CXR/DLI/DAD - SGN; VII/VCA/VDH - HAN; HAN/HPH/VII/DAD - BMV/PXU; THD-BMV	10-Apr-22	11-Apr-22
	2-May-22	3-May-22
	27-May-22	9-Aug-22
	3-Sep-22	5-Sep-22
	1-Jan-23	3-Jan-23
	25-Jan-23	5-Feb-23
SGN/VCA-VCS; SGN- VKG/CAH; HAN/HPH- DIN	8-Apr-22	10-Apr-22
	28-Apr-22	3-May-22
	8-Jul-22	6-Aug-22
	26-Aug-22	3-Sep-22
	23-Dec-22	31-Dec-22
	23-Jan-23	31-Mar-23
VCS-SGN/VCA; VKG/CAH- SGN; DIN- HAN/HPH	10-Apr-22	12-Apr-22
	30-Apr-22	5-May-22
	9-Jul-22	8-Aug-22
	27-Aug-22	5-Sep-22
	24-Dec-22	31-Dec-22
	1-Jan-23	2-Jan-23
	24-Jan-23	31-Mar-23







**PHỤ LỤC 4: BIỂU GIÁ QUỐC TẾ (TỪ VIỆT NAM ĐI QUỐC TẾ) VÀ GIAI ĐOẠN KHÔNG ÁP DỤNG**

(Ban hành kèm công văn số.....141./TCTHK-TTBSP, ngày...23.tháng...03.năm 2022)

**4.1. Biểu giá (chưa bao gồm thuế, phí):**

**1. HÀNH TRÌNH ĐẾN CHÂU ÂU/ÚC/Mỹ**

Hành trình	RT	Loại giá	VN	Giá bán	Ghi chú
HAN/SGN/VN2/VN3-PAR/LON/FRA	RT	EAPVNB	E	170	(1)
HAN/VN2/VN4-MOW	RT	EAPVNB	E	160	
HAN/SGN/VN2/VN3-SYD	RT	EAPVNB	E	160	
SGN/VN3/VN5-MEL	RT	EAPVNB	E	160	
SGN-SFO/LAX		EAPVNB	E		
HAN-x/SGN-SFO/LAX	RT			160	
HAN-LAX		EAPVNB	E		
SGN-x/HAN-LAX	RT			160	

**2. HÀNH TRÌNH ĐẾN ĐÔNG BẮC Á**

Hành trình	RT	Loại giá	VN	Giá bán	Ghi chú
DAD/VN1-HGH/CAN/SHA	RT	EAPVNB	E	70	
DAD/VN1-CTU	RT	EAPVNB	E	60	
HAN/VN2-CAN/SZX	RT	EAPVNB	E	60	
HAN/VN2/VN4-CTU	RT	EAPVNB	E	60	
HAN/SGN/VN2/VN3-SHA	RT	EAPVNB	E	70	
SGN/VN3-SZX	RT	EAPVNB	E	60	
SGN/VN3-CAN	RT	EAPVNB	E	60	
HAN/VN2/VN4-BJS	RT	EAPVNB	E	70	
HAN/VN2-TPE/KHH	RT	EAPVNB	E	60	
SGN/VN3-TPE/KHH	RT	EAPVNB	E	60	
HAN/VN2-HKG	RT	EAPVNB	E	60	
SGN/VN3-HKG	RT	EAPVNB	E	60	
HAN/VN2/VN4-MFM	RT	EAPVNB	E	80	
DAD/VN1-OSA	RT	EAPVNB	E	110	
DAD/VN1-TYO	RT	EAPVNB	E	110	
HAN/VN2-OSA/TYO	RT	EAPVNB	E	110	
SGN/VN3-OSA/TYO	RT	EAPVNB	E	110	
HAN/SGN/VN2/VN3-FUK/NGO	RT	EAPVNB	E	110	



DAD/VN1-SEL/PUS	RT	EAPVNB	E	80	
HAN/VN2-SEL/PUS	RT	EAPVNB	E	80	
SGN/VN3-SEL	RT	EAPVNB	E	80	
SGN/VN3-PUS	RT	EAPVNB	E	80	
NHA-SEL	RT	EAPVNB	E	80	

### 3. HÀNH TRÌNH ĐẾN ĐÔNG NAM Á

Hành trình	RT	Loại giá	VN	Giá bán	Ghi chú
HAN/SGN/DAD-BKK	RT	EAPVNB	E	40	
VN1/VN2/VN3-BKK	RT	EAPVNB	E	70	
SGN-HKT	RT	EAPVNB	E	40	
VN3-HKT	RT	EAPVNB	E	70	
HAN-SIN	RT	EAPVNB	E	50	
VN2-SIN	RT	EAPVNB	E	80	
SGN-SIN	RT	EAPVNB	E	40	
VN3-SIN	RT	EAPVNB	E	70	
HAN-KUL	RT	EAPVNB	E	40	
VN2-KUL	RT	EAPVNB	E	70	
HAN/SGN-RGN	RT	EAPVNB	E	40	
VN2/VN3-RGN	RT	EAPVNB	E	70	
HAN-REP/PNH	RT	EAPVNB	E	50	
VN2-REP/PNH	RT	EAPVNB	E	80	
SGN-REP/PNH	RT	EAPVNB	E	40	
VN3-REP/PNH	RT	EAPVNB	E	70	
SGN-VTE	RT	EAPVNB	E	40	
VN3-VTE	RT	EAPVNB	E	70	
HAN-LPQ/VTE	RT	EAPVNB	E	30	
VN2-LPQ/VTE	RT	EAPVNB	E	60	
SGN-DPS	RT	EAPVNB	E	60	
VN3-DPS	RT	EAPVNB	E	90	
SGN-JKT	RT	EAPVNB	E	70	
VN3-JKT	RT	EAPVNB	E	100	

#### 4.2. Giai đoạn không áp dụng:

Chặng bay	From	To	Chặng bay	From	To
VN-GB/FR/DE	26-Jul-22	6-Sep-22	GB/FR/DE-VN	24-Jun-22	16-Aug-22
	5-Jan-23	8-Jan-23		15-Dec-22	31-Dec-22
	25-Jan-23	2-Feb-23		10-Jan-23	21-Jan-23
VN-RU	12-Jun-22	26-Jun-22	RU-VN	24-Jun-22	16-Aug-22

	18-Aug-22	16-Oct-22		18-Sep-22	31-Oct-22
	4-Jan-23	8-Jan-23		11-Dec-22	15-Jan-23
<b>VN- LA/KH/MM LA-KH</b>	17-Apr-22	28-Apr-22	<b>LA/KH/MM -VN KH-LA</b>	8-Apr-22	14-Apr-22
	28-Dec-22	3-Jan-23		28-Dec-22	3-Jan-23
<b>VN- TH/MY/SG/I D</b>	27-Apr-22	30-Apr-22	<b>TH/MY/SG/ ID-VN</b>	1-May-22	3-May-22
	1-Jul-22	2-Aug-22		1-Jul-22	2-Aug-22
	1-Sep-22	2-Sep-22		4-Sep-22	5-Sep-22
	20-Dec-22	3-Jan-23		20-Dec-22	3-Jan-23
	22-Jan-23	26-Jan-23		24-Jan-23	29-Jan-23
<b>VN-KR</b>	27-Apr-22	30-Apr-22	<b>KR-VN</b>	1-May-22	3-May-22
	15-Jun-22	15-Aug-22		15-Jul-22	13-Aug-22
	1-Sep-22	2-Sep-22		7-Sep-22	10-Sep-22
	20-Dec-22	3-Jan-23		26-Dec-22	19-Jan-23
	23-Jan-23	31-Jan-23		26-Jan-23	5-Feb-23
<b>VN-CN/HK</b>	16-Apr-22	18-Apr-22	<b>CN/HK-VN</b>	13-Apr-22	15-Apr-22
	27-Apr-22	30-Apr-22		1-May-22	3-May-22
	20-Jun-22	31-Jul-22		1-Jul-22	10-Aug-22
	4-Oct-22	11-Oct-22		29-Sep-22	5-Oct-22
	31-Dec-22	5-Jan-23		23-Dec-22	18-Jan-23
	23-Jan-23	31-Jan-23		26-Jan-23	5-Feb-23
<b>VN-TW</b>	27-Apr-22	30-Apr-22	<b>TW-VN</b>	1-May-22	3-May-22
	20-Jun-22	31-Jul-22		1-Jul-22	10-Aug-22
	31-Dec-22	5-Jan-23		23-Dec-22	18-Jan-23
	23-Jan-23	31-Jan-23		26-Jan-23	5-Feb-23
<b>VN-JP</b>	1-Apr-22	10-Apr-22	<b>JP-VN</b>	28-Apr-22	1-May-22
	27-Apr-22	8-May-22		10-Aug-22	20-Aug-22
	12-Aug-22	22-Aug-22		23-Dec-22	18-Jan-23
	31-Dec-22	5-Jan-23		26-Jan-23	5-Feb-23
	23-Jan-23	31-Jan-23		20-Mar-23	31-Mar-23
	15-Mar-23	31-Mar-23			
<b>VN-AU</b>	2-May-22	6-May-22	<b>AU-VN</b>	27-Apr-22	2-May-22
	8-Jul-22	28-Jul-22		25-Jun-22	15-Jul-22
	28-Sep-22	8-Oct-22		18-Sep-22	30-Sep-22
	1-Jan-23	31-Jan-23		15-Dec-22	19-Jan-23
<b>VN-US/CA</b>	18-Jun-22	31-Jul-22	<b>US/CA-VN</b>	1-Jun-22	15-Jul-22
	24-Dec-22	8-Jan-23		15-Dec-22	18-Jan-23
	23-Jan-23	31-Jan-23		29-Jan-23	12-Feb-23









**PHỤ LỤC 6: ĐĂNG KÝ MẪU CHỮ KÝ CHƯƠNG TRÌNH LOWBUDGET  
2022**

(Ban hành kèm công văn số...**141**.../TCTHK-TTBSP, ngày...**13** tháng...**3**... năm 2022)

1. Tên đơn vị:
2. Mã đơn vị:
3. Lãnh đạo (Họ tên + Chức danh)
  - Lãnh đạo 1:
  - Lãnh đạo 2:

**Mẫu chữ ký lãnh đạo**

Lãnh đạo 1 (ký tên và đóng dấu)	Lãnh đạo 2 (ký tên và đóng dấu)

**+**





**PHỤ LỤC 7: ĐĂNG KÝ DANH SÁCH CBCNV THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH LOWBUDGET 2022**  
*(Ban hành kèm công văn số.../TCTHK-TTBSP, ngày... tháng... năm 2022)*

**TÊN ĐƠN VỊ:**  
**MÃ ĐƠN VỊ:**

ST T	Thông tin CBCNV						Thông tin thân nhân CBCNV								
	Họ và tên (1)*	Số thẻ ngành (2)*	Số hợp đồng LĐ (3)*	Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu (4)*	Địa chỉ (5)*	Email (6)*	Điện thoại (7)*	Họ và tên (8)*	Quan hệ với CBCNV (9)*	Ngày sinh (dd/mm/yyyy) (10)*	Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu (11)*	Ngày hết hạn (dd/mm/yyyy) (12)*	Địa chỉ (13)	Điện thoại (14)	Email (15)
1															
2															
3															
...															
...															
...															

.....  
 ngày.....tháng.....năm  
 .....

**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**  
 (ký và đóng dấu)

**NGƯỜI LẬP**  
 (ký và ghi đầy đủ họ tên)

- Ghi chú:**
1. Có thể chọn điền thông tin ở ô (2) hoặc (3), không cần điền thông tin ở cả 2 ô (2), (3)
  2. Các mục \* là các mục bắt buộc phải điền thông tin







**PHỤ LỤC 08: PHIẾU ĐĂNG KÝ MUA VÉ CHƯƠNG TRÌNH LOWBUDGET CHO CBCNV NĂM 2022**  
(Ban hành kèm công văn số **141**.../TCTHK-TTBSP, ngày **23**...tháng **03**...năm 2022)

**Phiếu số:**

**Họ và tên CBCNV:**

**Đơn vị:**

**Số thẻ ngành:**                      hoặc **Số CMND/hộ chiếu:**

**Chức vụ:** Chuyên viên

**Mã đơn vị:**

**Ngày cấp:**

STT	Họ và tên	Ngày sinh (DD/MM/YYYY)	Quan hệ với CBCNV	Hành trình
1				
<b>Tổng số vé đăng ký:</b>				

**Giấy tờ kèm theo Phiếu đăng ký:**

- Bản photo copy thẻ ngành của CBCNV. Đối với đơn vị không có thẻ ngành, áp dụng bản photo copy CMND và photo copy hợp đồng lao động của CBCNV.
- Đối với trường hợp là thành viên hội đồng thành viên, hội đồng quản trị không có hợp đồng lao động thay thế bằng quyết định bổ nhiệm là hội đồng thành viên, hội đồng quản trị.
- Các giấy tờ chứng minh quan hệ thân nhân.

(\* ) Phiếu đăng ký phải điền đầy đủ tất cả các thông tin và có giá trị xuất vé trong vòng 20 ngày kể từ ngày ký của thủ trưởng đơn vị.

(\* ) Mỗi phiếu đăng ký mua vé Lowbudget có giá trị cho một (01) lần xin mua vé.

(\* ) Toàn bộ các bản photo giấy tờ đi kèm Phiếu đăng ký mua vé chương trình LBG yêu cầu phải có chữ ký tươi của Lãnh đạo đơn vị đã đăng ký chữ ký mẫu.

**Người đăng ký**

(ký và ghi đầy đủ họ tên)

....., ngày.....tháng.....năm 2022

**Lãnh đạo**

(ký và đóng dấu)







Handwritten notes at the top left of the page.

Handwritten notes at the top right of the page.

Main body of handwritten text, appearing to be a list or series of notes.

Section of handwritten text, possibly a separate entry or a continuation of the list.

Section of handwritten text, possibly a separate entry or a continuation of the list.

Section of handwritten text at the bottom of the page.